

Bản án số: 507/2024/HS-PT

Ngày 25 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Chung Văn Kết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 647/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Lê Đăng H, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1 và Nguyễn Đỗ Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ - S2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích D**; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; sinh ngày 21 tháng 12 năm 1989, tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; cha: Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; mẹ: Trịnh Thị Bích T2, sinh năm 1970; bị cáo là con một trong gia đình; chồng: Trần Thanh H2, sinh năm 1984 (ly hôn năm 2013), Đỗ Hữu P1, sinh năm 1987 (ly hôn năm 2018). Có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016.

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống cùng bà ngoại tại thị trấn A, huyện A, học đến lớp 7 nghỉ, phụ giúp gia đình. Đến tháng 6/2019 cùng mẹ sang thành phố P, Campuchia sinh sống.

- Tiền án, tiền sự : không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.

2. Họ và tên: Mai Vinh H1; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày 21 tháng 02 năm 1999, tại Quận N, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Hẻm B, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: thợ làm tóc; cha: Mai Phước V, sinh năm 1964 (chết); mẹ: Trương Thị Mỹ S, sinh năm 1966 (chết); anh, chị, em: có 02 người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ con.

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 6 nghỉ, phụ giúp gia đình. Từ năm 2018 – 2020 sang Campuchia sinh sống và làm thuê cho nhiều tiệm làm tóc ở P, Campuchia.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.

3. Họ và tên: Huỳnh Văn T; giới tính: nam; tên gọi khác: C, Huin Yang T3, N; sinh năm 2000, tại tỉnh Kandal, Vương quốc C1; nơi cư trú: xã A, huyện L, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: không; cha: Huỳnh Văn T4, sinh năm 1967; mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; anh, chị, em: có 05 người, bị cáo là người thứ 5.

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 2 nghỉ, phụ giúp gia đình.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.

4. Họ và tên: Lê Đăng H; giới tính: nam; tên gọi khác: B; sinh ngày 24 tháng 12 năm 1992, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số B, Quốc lộ A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: căn hộ R chung cư R, Số B, Hòa Bình, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: thợ xăm; cha: Lê Văn S1, sinh năm 1964; mẹ: Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1969; anh, chị, em: có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Nguyễn Đỗ Thanh T1, sinh năm 1992 (là bị cáo trong vụ án).

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh, học đến lớp 12 thì nghỉ, ở nhà phụ giúp gia đình quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

- Ngày 24/9/2013 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 9 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 24/12/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 7 tháng tù, trả tự do tại phiên tòa do đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Ngày 09/3/2017 chấp hành xong hình phạt.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.

5. Họ và tên: Nguyễn Đỗ Thanh T1; giới tính: nữ; tên gọi khác: Mèo; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số F, Ấp D, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: căn hộ R chung cư R, Số B, Hòa Bình, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo T; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; cha: Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1966; mẹ: Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1967; anh, chị, em: có 02 người, bị cáo là người thứ 2; chồng: Đỗ Tuấn H4, sinh năm 1993 (ly hôn năm 2020), Lê Đăng H, sinh năm 1992 (là bị cáo trong vụ án); con: Nguyễn Nhã U, sinh năm 2017 (con chung với Đỗ Tuấn H4).

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 10 nghỉ, phụ giúp gia đình.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Thị Bích D và bị cáo Huỳnh Văn T: Luật sư Đặng Văn K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A;

Địa chỉ: Tổ A, ấp V, thị trấn C, huyện C tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Văn T: Luật sư Mai Ngọc T5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Mai Vinh H1: ông Trần Ngọc B1 - Luật sư tại văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A;

Địa chỉ: Số A, đường T, Tổ A, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Lê Đăng H: Luật sư Hồ Hoàng P2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1: Luật sư Hồ Hoàng P2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Đ - S2 do ông Nguyễn Tân P3 làm đại diện theo pháp luật; địa chỉ: C2, số A N, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Quốc H5 - Chuyên viên cao cấp xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ;

Nơi cư trú: 2 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Ông Nguyễn Hồ K1 - Chuyên viên cao cấp xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ;

Nơi cư trú: 1 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 14/6/2020, Tổ công tác Đoàn Biên phòng P4 phối hợp với Đoàn Biên phòng L3 và Công an xã Q tuần tra kiểm soát trên tuyến Quốc lộ I thuộc khu vực ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang phát hiện 06 người đi trên 02 xe mô tô theo hướng K - A có dấu hiệu nghi vấn nhập cảnh trái phép nên ra tín hiệu dừng phương tiện kiểm tra. Khi đó, xe mô tô biển kiểm soát 67G1-027.46 do Võ Văn H6 (sinh năm 1972, ngụ ấp T, xã N, huyện A) điều khiển chở Phan Văn N1 (sinh năm 1963, ngụ ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) và Nguyễn Thị Bích D, chấp hành hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm tra; còn xe mô tô biển kiểm soát 66AN-003.15 do Lê Văn C (sinh năm 1989, tạm trú hẻm D, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang) điều khiển chở Mai Vinh H1 và Huỳnh Văn T không chấp hành hiệu lệnh mà tiếp tục điều khiển xe về hướng C, nên lực lượng tiến hành truy đuổi đến khu vực ấp P, xã Đ, huyện A thì dừng được phương tiện.

Qua kiểm tra người và phương tiện phát hiện:

- Nguyễn Thị Bích D để trên бага xe mô tô biển kiểm soát 67G1-027.46 01 bọc nylon màu đen đựng 12 bọc nylon (dạng gói trà bên ngoài có ghi chữ nước ngoài), bên trong chứa tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 11,97kg nghi vấn là ma túy.

- Mai Vinh H1 để trên бага xe mô tô biển kiểm soát 66AN-003.15 01 bọc nylon màu đen đựng 09 bọc nylon (dạng gói trà bên ngoài có ghi chữ nước ngoài), trong đó có 07 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 6,98kg và 02 bọc nylon chứa 10.000 viên nén màu xanh có khối lượng 04kg nghi vấn là ma túy.

- Huỳnh Văn T cất giấu trong túi hành lý 01 bọc nylon màu đen đựng 11 bọc nylon (dạng gói trà bên ngoài có ghi chữ nước ngoài), bên trong chứa tinh thể màu trắng, có tổng khối lượng 10,98kg nghi vấn là ma túy.

Đồng thời, D, H1, T thừa nhận là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và tạm giữ D, H1, T để xử lý.

Qua điều tra ban đầu, D, H1, T khai nhận: vật chứng thu giữ là ma túy của đối tượng tên N2 (nick name là Song Hok người Campuchia, không rõ địa chỉ) thuê D vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam đem đến Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại cho Nguyễn Đỗ Thanh T1 (Mèo, sinh ngày 07/9/1992, ngụ 639F, Ấp D, A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 3.200 USD và Được

đối tượng lạ giao ma túy tại C (Campuchia) vào ngày 12/6/2020. Số ma túy trên, D để vào 03 bọc nylon màu đen (01 bọc đựng 12 bọc ma túy, 01 bọc đựng 11 bọc ma túy, 01 bọc đựng 09 bọc ma túy), rồi kêu H1, T tiếp Vận chuyển về Việt Nam và hứa trả tiền công cho mỗi người 200 USD, thì H1, T đồng ý. Sau đó, D cất giữ 01 bọc (đựng 12 bọc ma túy), H1 cất giữ 01 bọc (đựng 09 bọc ma túy), T cất giữ 01 bọc (đựng 11 bọc ma túy), rồi đón xe về Việt Nam. Khi đến biên giới Việt Nam, D cùng với H1, T đi trên hai xe honda đầu chờ đến bến xe C để đón xe khách về Thành phố Hồ Chí Minh giao ma túy, nhưng trên đường đi thì bị phát hiện bắt quả tang. D còn khai trước đó đã 03 lần vận chuyển ma túy thuê cho T6 (N2) từ Campuchia về Việt Nam đem đến Thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho T1 và nhiều đối tượng khác.

Cùng ngày, qua truy xét Đoàn biên phòng P4 đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đỗ Thanh T1 và Lê Đăng H (chung sống như vợ chồng); khám xét khẩn cấp nơi ở của H, T1 tại phòng 18.02 chung cư R, đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ nhiều bọc nylon chứa tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 821,94g và 114 viên nén nghi là ma túy. T1, H khai nhận số ma túy bị thu giữ mua của người tên T6 (N2) ở Campuchia về để bán lại. Ngoài ra, còn tổ chức truy xét đến khu vực xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa điểm D giao nhận ma túy cho người thanh niên tên D2 mua ma túy của N2) thì có Nguyễn Phước L1 điều khiển xe Taxi (được D2 thuê) đến nhận hàng hóa. Qua làm việc đối với L1 thì L1 không biết hàng hóa do D2 thuê nhận là ma túy.

Sau khi bắt, áp giải Nguyễn Đỗ Thanh T1 đến trụ sở Công an P5, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để làm việc, thời điểm này có Dương Công T7 (sỹ quan điều tra Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm M – Bộ) tiếp xúc thì được T1 giao cho T7 01 thẻ ATM, cung cấp mật khẩu cho T7 để nhờ rút số tiền 320.000.000 đồng giao lại cho Nguyễn Thanh H3 (cha ruột của T1) sử dụng nên T7 không đưa vào vật chứng để thu giữ cùng vụ án. Do số tiền trong tài khoản có biến động, T1 tố giác hành vi của T7 có dấu hiệu chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra hình sự khu vực 3 – Bộ đang xác minh, làm rõ để xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận giám định số 139/KLGD-P09(MT) ngày 18/6/2020 của Phòng K2 Công an tỉnh A, ghi nhận:

- 10 bọc nylon (thu giữ của D) chứa các viên nén là ma túy, loại Ketamine có khối lượng 9,97kg và 02 bọc nylon chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 02kg.

- 07 bọc nylon (thu giữ của Huỳnh Văn T) chứa các viên nén là ma túy loại Ketamine có khối lượng 07kg và 04 bọc nylon chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 04kg.

- 03 bọc nylon (thu giữ của Mai Vinh H1) chứa các viên nén là ma túy loại Ketamine có khối lượng 2,98kg; 04 bọc nylon chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 04kg; 02 bọc nylon chứa các viên nén là ma túy loại MDMA có khối lượng 04kg.

- 02 bọc nylon (thu giữ của Nguyễn Đỗ Thanh T1 và Lê Đăng H) chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine có khối lượng 821,94g; 03 bọc nylon chứa các viên nén là ma túy loại MDMA có khối lượng 81,09g.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSAG-P1 ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Mai Vinh H1, Huỳnh Văn T, Lê Đăng H về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 bị truy tố về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e, khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 04/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

1. Căn cứ điểm h, điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H, Nguyễn Đỗ Thanh T1 cùng phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D tử hình.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Bích D 30.000.000đ.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Văn T (C, Huân Yang T3, N) uỳnh tử hình.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Mai Vinh H1 uỳnh tử hình.

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Lê Đăng H7 tử hình.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo Lê Đăng H 30.000.000đ.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo uyểnNguyễn Đỗ Thanh T1 tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 14/6/2020.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo uyểnNguyễn Đỗ Thanh T1 30.000.000đ.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1:

- 01 thẻ căn cước công dân số 079192000272 mang tên Nguyễn Đỗ Thanh T1;

- 01 (một) xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 đã qua sử dụng và 01 bộ hồ sơ liên quan đến việc thế chấp xe ô tô biển số 51G-083.74;

- 01 xe mô tô hiệu PIAGGIO Sprint màu trắng, biển kiểm soát 59B1-611.65 đã qua sử dụng và 01 một giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59B1-611.65 tên chủ xe Nguyễn Đỗ Thanh T1;

- 01 xe mô tô hiệu BOSCHITY màu xanh, biển kiểm soát 59BA-014.53 đã qua sử dụng và 01 một giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59BA-014.53 tên chủ xe Nguyễn Đỗ Thanh T1;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2022 bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 và ngày 08/8/2022 các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Lê Đăng H, Huỳnh Văn T và Mai Vinh H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 trình bày: Bị cáo tự nguyện rút kháng cáo, chấp nhận với mức hình phạt như Bản án sơ thẩm đã quy kết. Đối với số tiền nợNgân hàng TMCP Đ trước đó, bị cáo tự nguyện giao chiếc xe ô tô đã thế chấp giao cho Ngân hàng để xử lý nợ.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T – Luật sư Đặng Văn K trình bày:

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D luôn tích cực phối hợp và thành khẩn khai báo từ quá trình điều tra cho tới nay, nhân thân bị cáo là người lao động nghèo, ông ngoại bị cáo là người có công trong kháng chiến chống Mỹ, bị cáo có 03 con nhỏ và còn bị mù, không thấy đường. Bị cáo D đã tác động gia đình nộp 30 triệu tiền khắc phục hậu quả, mong muốn được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo là nữ giới, bị xúi giục và làm việc cho đối tượng N2, mong Hội đồng xét xử xem xét để ra phán quyết vừa có tính răn đe và phù hợp với bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Văn T là người Campuchia, không am hiểu pháp luật Việt Nam. Bị cáo khẳng định không có tội và kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, theo diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nếu xét thấy bị cáo có tội, kính mong Hội đồng xét xử xem xét mức độ hành vi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T – Luật sư Mai Ngọc T5 trình bày: Thống nhất với phần bào chữa của luật sư đồng nghiệp, bị cáo T từ trước đến nay sống ở Campuchia, chính sách pháp luật khác so với pháp luật Việt Nam. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét về mức độ hành vi phạm tội, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D trình bày: Thống nhất lời bào chữa của Luật sư, bị cáo rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo và các bị cáo có kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, để các bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

Bị cáo Huỳnh Văn T trình bày: Thống nhất lời bào chữa của Luật sư, bị cáo bị oan vì không biết về hàng hóa các bị cáo đem theo là ma túy mà chỉ biết là hàng cấm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại mức án đối với bị cáo, bị cáo không nhận tiền công hay hưởng lợi gì.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Vinh H1 – Luật sư Trần Ngọc B1 trình bày: Bị cáo tiếp tục kêu oan cho rằng mình không phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc kêu oan của bị cáo dựa trên các chứng cứ theo hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật, xem xét kỹ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như đã nêu ở bản án sơ thẩm khi lượng hình. Hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn khi cả cha và mẹ vừa mới mất. Đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét.

Bị cáo Mai Vinh H1 trình bày: Thống nhất lời bào chữa của Luật sư, bị cáo bị oan vì bị cáo chỉ biết là hàng cấm nên mới xách giùm bị cáo D, bị cáo không hưởng lợi. Bị cáo là người ăn học đàng hoàng, mong Hội đồng xét xử xem xét để được sớm trở về chăm sóc gia đình, làm người tốt cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đăng H – Luật sư Hồ Hoàng P2 trình bày: Hoàn cảnh bị cáo không được may mắn như những người đồng trang lứa

khác, thiếu tình thương của mẹ. Trong quá trình bị tạm giam cho đến nay, bị cáo luôn chấp hành tốt. Mặc dù bị cáo có chuyên tiền nhưng vẫn chưa nhận số lượng ma túy, kính mong Hội đồng xét xử quan tâm xem xét để bị cáo có thêm nghị lực sống, trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Đăng H trình bày: Thống nhất lời bào chữa của Luật sư, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ, ông Nguyễn Hồ K1 trình bày: Đề nghị bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 giao lại xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 do bị cáo T1 đã mua vào năm 2018 là tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ (S2) theo hợp đồng số REF 1828900376/HĐTC/M01-NDTT ngày 16/10/2018, để bảo đảm cho khoản vay số tiền 1.131.000.000đ của bị cáo T1 với Ngân hàng. Thống nhất ý kiến của bị cáo T1 giao xe ô tô này để Ngân hàng xử lý khoản nợ theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Việc rút kháng cáo của bị cáo T1 có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo. Các bị cáo H1 và T không thừa nhận về hành vi phạm tội, nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo và các lời khai, đủ cơ sở xác định D giữ vai trò chính, chủ mưu. Đối tượng N2 thuê bị cáo D đem ma túy về Việt Nam để bán cho H, T1 nhưng bị cáo không nhận thức được việc làm là nguy hiểm, vẫn bất chấp thực hiện.

Các bị cáo T, H1 cũng tích cực giúp sức cho bị cáo D, bị cáo T phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy bị thu giữ khi vận chuyển về Việt Nam là 11kg, bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy bị thu giữ khi vận chuyển về Việt Nam là 10,98kg. Bị cáo H là người mua ma túy từ N2, T1 là người đã trao đổi qua W và trực tiếp liên hệ bằng điện thoại qua tin nhắn để sắp xếp việc mua ma túy.

Các bị cáo không nhận thức rõ về hậu quả của hành vi đã thực hiện, phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm của mình. Xét thấy các bị cáo không còn khả năng cải tạo, hành vi phạm tội nguy hiểm, cần loại bỏ khỏi xã hội. Các kháng cáo xin giảm nhẹ hay kêu oan đều không có căn cứ xem xét, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Riêng phần kháng cáo của Ngân hàng, bị cáo T1 đã tự nguyện giao xe cho ngân hàng xử lý tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Lê Đăng H, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Nguyễn Đỗ Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 đã tự nguyện rút kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo uyểnNguyễn Đỗ Thanh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Lê Đăng H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Mặc dù các bị cáo Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1 tuy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm 02 bị cáo này lại thay đổi kháng cáo kêu oan vì cho rằng không biết số lượng hàng hóa các bị cáo đem theo là ma túy mà chỉ biết là hàng cấm đem giùm bị cáo D. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của 02 bị cáo này trong giai đoạn điều tra, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 14/6/2020; Kết luận giám định số 139/KLGD-P09(MT) ngày 18/7/2020 của Phòng K2 Công an tỉnh A; Biên bản khám xét; căn cứ vào diễn biến của vụ án; Đơn kháng cáo của các bị cáo này. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H, Nguyễn Đỗ Thanh T1 đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khối lượng ma túy bị bắt quả tang thu giữ là 34,869kg bao gồm 20,97294kg Ketamine; 10kg Methamphetamine; 4,08109kg MDMA.

Trong đó, thu giữ được trong túi nylon do D mang theo là 11,97kg bao gồm 9,97kg Ketamine, 02kg Methamphetamine.

Thu giữ được trong túi nylon do T mang theo là 11kg, bao gồm 07kg Ketamine, 04kg Methamphetamine.

Thu giữ được trong túi nylon do H1 mang theo là 10,98kg, bao gồm 2,98kg Ketamine, 04kg Methamphetamine, 04kg MDMA.

Khi khám xét nơi ở của bị cáo Lê Đăng H và Nguyễn Đỗ Thanh T1 thu giữ được 821,94 gam Ketamine và 81,09 gam MDMA.

[2.2] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, phạm tội có tính chất xuyên quốc gia với nguồn cung cấp ma túy xuất phát từ Campuchia và nơi tiêu thụ là Thành phố Hồ Chí Minh thuộc lãnh thổ của Việt Nam.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D giữ vai trò chính trong vụ án, vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành tích cực. Bị cáo được đối tượng N2 ở Campuchia giao ma túy để vận chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh giao cho 02 đối tượng

tên T8, D2 (hiện nay chưa bắt được để làm rõ) và giao cho hai bị cáo H, T1. Bị cáo D biết rõ đối tượng N2 bán ma túy cho các đối tượng này nhưng vẫn giúp sức cho N2 vận chuyển ma túy để được hưởng tiền công.

Bị cáo T và H1 là người biết rõ D là người vận chuyển ma túy thuê cho N2 với mục đích là giúp cho N2 bán lại ma túy cho người khác nhưng vẫn giúp D vận chuyển ma túy về Việt Nam để được nhận tiền công từ D. Do đó, T và H1 giữ vai trò là người giúp sức cho D.

Bị cáo H là người đã trực tiếp thỏa thuận đặt mua ma túy từ đối tượng tên T7 (N2) ở Campuchia để về bán lại cho các con nghiện kiếm lời nên xác định bị cáo giữ vai trò là người thực hành.

Bị cáo T1 là người biết rõ H thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng T1 vẫn giúp cho H trong việc tạo tài khoản W và trực tiếp liên hệ bằng điện thoại qua tin nhắn để thỏa thuận về việc mua bán ma túy, phương thức thanh toán tiền, địa điểm giao nhận hàng... Bị cáo trực tiếp cùng H một lần đi nhận ma túy nhưng chưa thực hiện được thì bị bắt giữ. Do đó T1 giữ vai trò là đồng phạm giúp sức cho H.

[2.3] Về khối lượng các chất ma túy mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự:

Bị cáo D phải chịu trách nhiệm về tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là 34,869 kg, đây là lượng ma túy mà bị cáo đã nhận từ đối tượng N2 tại Campuchia và đã phân phối lại cho T và Hậu vận chuyển về Việt Nam, khối lượng còn lại bị cáo trực tiếp vận chuyển về Việt Nam cũng như khối lượng ma túy mà bị cáo đã giao cho bị cáo H lần trước đó.

Bị cáo T phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy bị thu giữ khi vận chuyển về Việt Nam là 11kg, bao gồm 07kg Ketamine, 04kg Methamphetamine.

Bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy bị thu giữ khi vận chuyển về Việt Nam là 10,98kg, bao gồm 2,98kg Ketamine, 04kg Methamphetamine, 04kg MDMA.

Bị cáo H phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy bị thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo và Nguyễn Đỗ Thanh T1 là 821,94 gam Ketamine và 81,09 gam MDMA. Ngoài ra bị cáo H còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy do đã trả tiền trước, số tiền 2.150.000.000đ tương đương số lượng ma túy 05kg Ketamine, hẹn ngày nhận ma túy từ bị cáo D, tuy nhiên chưa nhận được thì bị bắt giữ.

[2.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xét xử bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo D, H có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại

điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS, bị cáo T và H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo D, H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự thú về các lần phạm tội trước đó và người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án được quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi 03 con trong đó con nhỏ nhất sinh năm 2016, bị cáo có ông ngoại là ông Trịnh Đình H8 là người có công với nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo T, H1 cũng có hoàn cảnh gia đình cũng gặp nhiều khó khăn. Hai bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, ít học ít hiểu biết nên trình độ nhận thức về mặt pháp luật cũng còn hạn chế. Bị cáo H1 có cha là ông Mai Phước V là bộ đội tham gia bảo vệ tổ quốc ở chiến trường Campuchia từ năm 1983 đến năm 1986. Bị cáo H có ông nội là người có công cách mạng được tặng kỷ niệm chương; cha bị cáo là bộ đội công tác ở quân đoàn D3, phục vụ chiến trường biên giới Tây Nam từ năm 1982 đến năm 1987. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án đã nêu từ mục [2.1] đến [2.5] đối với các bị cáo, đồng thời xem xét vai trò phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, khối lượng ma túy mà các bị cáo mua bán là đặc biệt lớn, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân gia tăng, phát sinh của nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác, vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H mức án tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.7] Đối với kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu được nhận xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 đang thế chấp cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy xe này bị cáo T1 mua năm 2018, trước thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Do đó, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả lại xe này cho bị cáo. Tuy nhiên, hiện nay xe ô tô này lại là tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ (S2) theo hợp đồng số REF 1828900376/HĐTC/M01-NDTT ngày 16/10/2018,

để bảo đảm cho khoản vay số tiền 1.131.000.000đ của bị cáo T1 với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị cáo T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận.

Theo điểm a, c khoản 7.1 và điểm a khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp nêu trên thì trong trường hợp khi đến hạn trả nợ mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc khi bên thế chấp bị khởi tố theo quy định của pháp luật liên quan đến tài sản thế chấp thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ và Ngân hàng TMCP Đ được quyền nhận tài sản thế chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng cũng đề nghị được nhận và quản lý xe thế chấp này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại xe ô tô nêu trên cho bị cáo T1, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 đồng ý giao xe ô tô thế chấp này cho Ngân hàng để xử lý nợ nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T1, giao xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 cho Ngân hàng TMCP Đ để xử lý tài sản này theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H; chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ. Sửa một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng liên quan đến xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H phải chịu.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bị cáo **uỳnhNguyễn Đỗ Thanh T1**. Phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 tuyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1 có hiệu lực kể từ ngày 25/6/2024.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với phần về xử lý vật chứng liên quan đến xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74.

Căn cứ điểm h, điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H, Nguyễn Đỗ Thanh T1 cùng phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích D** **tử hình.**

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Bích D 30.000.000đ.

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn T** (C, Huyn Yang T3, N) **uỳnh tử hình.**

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Mai Vinh H1** **uỳnh tử hình.**

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Đăng H** **7 tử hình.**

3. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H, Nguyễn Đỗ Thanh T1 để đảm bảo thi hành án.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Đỗ Thanh T1, giao xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 cho Ngân hàng TMCP Đ để xử lý tài sản này theo hợp đồng thế chấp số REF 1828900376/HĐTC/M01-NDTT ngày 16/10/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (chi nhánh Thành phố H) với Nguyễn Đỗ Thanh T1.

Xe ô tô con hiệu Mercedes Benz màu đen, biển kiểm soát 51G-083.74 hiện nay do Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao nhận

vật chứng ngày 11/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000308 ngày 25/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Nguyễn Thị Bích D, Huỳnh Văn T, Mai Vinh H1, Lê Đăng H được quyền làm đơn gửi Chủ tịch N3 để xin ân giảm án tử hình.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (6)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Công an tỉnh An Giang; (1)
- Sở tư pháp tỉnh An Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh An Giang; (1)
- TTG CA tỉnh An Giang; (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”; (5)
- NCQLNVLQ ; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 25b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Huynh